

Bản án số: **44/2022/HNGĐ - ST**

Ngày 28 - 02- 2022

V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Thiết
2. Ông Hoàng Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kỳ Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28/02/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 215/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021 về việc Yêu cầu không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST – HNGĐ, ngày 11/02/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Ông Lương Văn Ng, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Lương Văn Ng vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lương Văn Ng chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 08/6/1990 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng do nhận thức pháp luật hạn chế nên không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới hai người về chung sống tại thôn L, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung ban đầu hạnh phúc nhưng đến ngày 18/9/2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, bất đồng trong làm ăn phát

triển kinh tế gia đình dẫn đến việc hai người thường xuyên cãi vã, đánh chửi nhau và không còn tin tưởng nhau. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà và ông Ng đã sống ly thân từ tháng 9/2021 cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm với ông Ng đã hết, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Lương Văn Ng để giải phóng cho cả hai người đi tìm cuộc sống mới, giải thoát cho bà tránh khỏi được cảnh bạo lực gia đình.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông Lương Văn Ng có 01 con chung là Lương Văn A, sinh ngày 14/9/1993. Hiện nay con chung của ông bà đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển toàn diện về thể chất, tâm sinh lý, có đủ khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân, do đó bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản, đất đai chung: Bà xác định quá trình chung sống bà và ông Lương Văn Ng có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Bà xác định trong quá trình chung sống bà và ông Nguyễn không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Lương Văn Ng trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị N chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 1990 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nhưng do nhận thức pháp luật hạn chế nên không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống hai người cư trú tại thôn L, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Đến giữa năm 2021 thì hai người bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, hai người không còn tin tưởng nhau nên thường xuyên cãi vã, đánh chửi nhau. Ông có biết việc bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với ông và đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án triệu tập ông đến để giải quyết vụ án. Tuy nhiên do bận công việc, thêm nữa không có phương tiện đi lại nên ông không đến Tòa án làm việc được. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà N, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà Nhung có 01 con chung là Lương Văn A, sinh ngày 14/9/1993. Hiện nay con chung của ông bà đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển toàn diện về thể chất, tâm sinh lý, có đủ khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân, do đó ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, đất đai chung: Ông và bà N có một số tài sản nhưng tự thống nhất phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn ông Lương Văn Ng không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không đến tham dự phiên tòa.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương, kết quả thể hiện: Bà Nguyễn Thị N và ông Lương Văn Ng chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống bà N và ông Ng cư trú và đăng ký

hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian gần đây bà N và ông Ng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã, đánh chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình và thôn, xã can thiệp, giải quyết nhưng hai người vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn. Nay bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Ng thì chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; bà N và ông Ng có 01 con chung là Lương Văn A, sinh năm 1993, đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường tâm thần, thể chất, có đủ khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân; về tài sản thì hiện nay bà N và ông Ng đang sử dụng một diện tích đất làm nhà gỗ 3 gian, khoảng 04 sào ruộng nước tại thôn L, xã P nhưng cụ thể các tài sản trên như thế nào thì địa phương không nắm được. Theo địa phương nắm được thì giữa bà N và ông Ng không có vay nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Lương Văn Ng chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N:

+ Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị N và ông Lương Văn Ng.

+ Về con chung: Do con chung của bà N, ông Ng đã đủ tuổi trưởng thành nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về tài sản, đất đai chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Lương Văn Ng, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lương Văn Ng có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn L, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Do đó Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tại địa phương cho thấy ông Lương Văn Ng có hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Như vậy nguyên đơn bà Nguyễn Thị N đã cung cấp chính xác địa chỉ của bị đơn. Ông Ng hiện đang có mặt tại địa phương, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản theo đúng quy định của pháp luật nhưng cố tình không đến Tòa án làm việc, tham gia giải quyết vụ án theo quy định mà không có lý do chính đáng. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có Đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn ông Lương Văn Ng chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Lương Văn Ng chung sống như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống tình cảm giữa bà N và ông Ng ban đầu bình thường, nhưng đến tháng 9/2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình dẫn đến việc hai người thường xuyên cãi vã, đánh chửi nhau và không còn tin tưởng nhau. Bà N xác định không còn tình cảm với ông Ng nên đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai người. Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù bà N và ông Ng chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị N và ông Lương Văn Ng là phù hợp với quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và Gia đình.

* Về con chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Lương Văn Ng đều xác định quá trình chung sống có 01 con chung là Lương Văn A, sinh năm 1993. Hiện nay con chung của bà N và ông Ng đã đủ trưởng thành, phát triển bình thường về tâm thần, thể chất, có đủ khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về tài sản, đất đai chung: Các đương sự đều xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

* Về vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn ông Lương Văn Ng không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị N và ông Lương Văn Ng.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004592, ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y. Bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ tiền phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn ông Lương Văn Ng không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã P, huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Lương Hữu San